Lịch sử và Địa Lí

Bài 19: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ

NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG NAM BỘ (Tiết 3)

# I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ

- Xác định được trên bản đồ và lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.

- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ.

- Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hóa tiêu biểu.

- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

-Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng, tiết kiệm các sản phẩm của tự nhiên và do con người tạo ra.

-Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

-Yêu nước: Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

# II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bản đồ hoặc lược đồ phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh về công nghiệp, nông nghiệp, chợ nổi trên song ở vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh, tư liệu, video clip về các nhân vật lịch sử Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định.

- Máy tính, máy chiếu.

# III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  **15’**  **10’**  **5’** | **1.Hoạt động mở đầu:**  + Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ.  + Nêu đặc điểm phân bố dân cư của vùng Nam Bộ  - GV: “Tại sao nơi đây lại nổi tiếng về các sản phẩm này? Chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay”. – Bài 19: Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ.  **2. Hoạt động Hình thành Kiến thức:**  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.(T3)**  - GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm:  + Chia lớp làm 6 nhóm (2 nhóm thực hiện cùng một nội dung)  + GV phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:  · Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về đặc điểm sản xuất nông nghiệp và sự phân bố nông nghiệp, trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ có những đặc điểm gì?  Câu 2: Quan sát hình 3 trg.101 SGK, em hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi ở vùng Nam Bộ và chỉ ra sự phân bố của chúng trên lược đồ.  · Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát hình 3 tr.101 SGK, trả lời câu hỏi:  Câu 1: Nêu tên những tỉnh trồng nhiều lúa ở vùng Nam Bộ.  Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước.  · Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ học tập: Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 tr.101-102 SGK, trả lời câu hỏi:  Câu 1: Nêu tên những tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.  Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm, các nhóm cùng nội dung lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Sản xuất nông nghiệp ở Nam Bộ rất phát triển, sản phẩm đa dạng, đứng đầu cả nước về sản xuất lúa, cây ăn quả, cao su, thủy sản.  + Các tỉnh trồng nhiều lúa là: Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng.  + Các tỉnh nuôi trồng thủy sản nhiều là: Kiên Giang, Cà Mau, An Giang.   * 1. **.Một số nét văn hóa**   **Hoạt động 4: Tìm hiểu về nhà ở và phương tiện đi lại của người dân vùng nam Bộ.**  - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành nhiệm vụ học tập. Đọc thông tin quan sát hình 6 và kết hợp vốn hiểu biết của bản thân:  + Nhà của người dân ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ trước kia có gì khác nhau? Vì sao?  + Phương tiện đi lại phổ biến của người dân Nam Bộ hiện nay là gì?  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV cho HS xem tranh, ảnh về làng quê, phương tiện đi lại của người dân ở vùng Nam Bộ.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Do điều kiện tự nhiên khác nhau nên nhà ở trước kia của người dân Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ khác nhau. Cụ thể: Đông Nam Bộ có nhà chắc chắn; Tây Nam Bộ có nhà đơn sơ, phương tiện đi lại chủ yếu là xuồng ghe. Ngày nay, nhà đã kiên cố, khang trang hơn, phương tiện đi lại đa dạng hơn.  **3. Hoạt động Vận dụng:**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam bộ.* | - HS nêu  -HS thảo luận.  -Dự kiến câu trả lời:  · Nhóm 1, 2:  Câu 1: Sản xuất nông nghiệp vùng Nam Bộ rất đa dạng với nhiều sản phẩm trong và ngoài nước.  Câu 2:  + Một số cây trồng chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: cây lúa, cây ăn quả, cây cao su, cây điều và hồ tiêu…  + Một số vật nuôi chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: trâu, bò, lợn, gà, vịt…  - Vị trí phân bố:  + Cây lúa và cây ăn quả phân bố chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ.  + Cây điều, cao su và hồ tiêu phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Trâu, bò, gà,… được nuôi nhiều ở vùng Đông Nam Bộ.  + Lợn, bò, vịt,… được nuôi nhiều ở vùng Tây Nam Bộ.  · Nhóm 3, 4:  Câu 1:  - Ở vùng Nam Bộ, cây lúa được trồng nhiều tại các tỉnh: Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2:  Nhờ có diện tích đồng bằng lớn, đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất,... nên vùng Nam Bộ đã trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước với chất lượng gạo ngày càng tăng.  · Nhóm 5, 6:  Câu 1: Ở vùng Nam Bộ, thủy sản được nuôi trồng nhiều tại các tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2: **Giải thích:**Do có vùng biển rộng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều vùng đất ngập nước, người dân nhiều kinh nghiệm và năng động,... nên Nam Bộ là vùng nuôi trồng thuỷ sản lớn nhất cả nước.  - HS lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm 4  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS lắng nghe  - 2-3 HS nêu lại nội dung chính của bài.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  và thực hiện yêu cầu. |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy** *(Nếu có):*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

------------------------------🙧🙥------------------------------